

Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm hoá chất với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, địa chỉ: Số 229 Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính tổ chức, số điện thoại: 02203895228; Email: benhvien@hmtu.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Văn thư Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.
- Địa chỉ Email: benhvien@hmtu.edu.vn nhận file mềm excel và bản scan

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 30 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h ngày 09 tháng 8 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất: Chi tiết bảng mô tả tại phụ lục 1 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Tại kho Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, địa chỉ: Số 229 Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.

- Hàng hoá được cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ theo quy định pháp luật.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu, chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Các yêu cầu khác:

- Báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm

- Báo giá được ký đóng dấu của người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai nếu báo giá có nhiều trang.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCTC, TCKT, CNTT.



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG**



PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 518/TB-BVĐHKYTTHD ngày 30/7/2024 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm beta-HCG	▪ HCG+β Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ HCG+β Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Kích tố sinh dục màng đệm của người (từ nước tiểu) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 1.5 mIU/mL và khoảng 2000 mIU/mL) trong hỗn hợp đệm huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
2.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin ; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 200 tests	Hộp	4
3.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	▪ TSH Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 1 ▪ TSH Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 2 Nồng độ của TSH Cal1 trong hỗn hợp huyết thanh ngựa khoảng 0 μ IU/mL; TSH Cal2 chứa khoảng 1.5 μ IU/mL TSH (người) trong hỗn hợp huyết thanh người. Quy cách: 4x1.3 ml	Hộp	2
4.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng T4 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate. R2: T4 đánh dấu biotin; đệm phosphate Quy cách: ≥ 200 tests	Hộp	4
5.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	▪ FT4 4 Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ FT4 4 Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0.78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3.5 ng/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò). Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	2
6.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng T3 đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm phosphate . R2: T3 đánh dấu biotin ; đệm phosphate Quy cách: ≥ 200 tests	Hộp	4
7.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	▪ FT3 III Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ FT3 III Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 FT3 với hai khoảng nồng độ (khoảng 2 pmol/L hoặc 1.3 pg/mL và khoảng 40 pmol/L hoặc	Hộp	1

		26 pg/mL) trong huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml		
8.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng progesterone đánh dấu biotin; đệm phosphate. R2: Progesterone kết hợp với một peptide tổng hợp đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 test	Hộp	1
9.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Estradiol	▪ E2 III Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ E2 III Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Estradiol (tổng hợp) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 73 pmol/L hoặc 20 pg/mL và khoảng 7340 pmol/L hoặc 2000 pg/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
10.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	▪ FERR Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ FERR Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Ferritin (người, gan) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 10 μ g/L hoặc ng/mL và khoảng 300 μ g/L hoặc ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
11.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ferritin, vitamin B12	▪ PC V1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh ▪ PC V2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh Quy cách: $\geq 4 \times 3$ ml	Hộp	1
12.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin T tim	M: Vi hạt phủ streptavidin R1: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim; đệm phosphate . R2: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 200 tests	Hộp	1
13.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T tim	▪ TNTHSX Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ TNTHSX Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 18 ng/L hoặc pg/mL và khoảng 4200 ng/L hoặc pg/mL) trong huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
14.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T	▪ PC TN1: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL mẫu chứng huyết thanh ▪ PC TN2: 2 chai, mỗi chai 2.0 mL mẫu chứng huyết thanh Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 30 ng/L hoặc pg/mL và khoảng 2500 ng/L hoặc pg/mL) và troponin I (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0.75 μ g/L hoặc ng/mL và khoảng 18 μ g/L hoặc ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 2$ ml	Hộp	1
15.	Chất hiệu chuẩn xét	▪ CA 15-3 II Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1	Hộp	1

	nghiệm CA 15-3	CA 15-3 II Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CA 15-3 (người) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 15 U/mL và khoảng 100 U/mL) trong ma trận huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml		
16.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin ; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 tests	Hộp	2
17.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	- TPSA Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - TPSA Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 PSA (người) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 60 ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ mL	Hộp	1
18.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do	M: Vi hạt phủ Streptavidin R1: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin; đệm phosphate R2: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 tests	Hộp	1
19.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	- FPSA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - FPSA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 PSA tự do (người) ở 2 khoảng nồng độ (khoảng 0.10 ng/mL và khoảng 20 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò). Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
20.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	- CA19-9 Cal1: 2 chai, mỗi chai cho 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - CA19-9 Cal2: 2 chai, mỗi chai cho 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CA 19-9 (người) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 20 U/mL và khoảng 250 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
21.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 test	Hộp	38
22.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	- CEA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - CEA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CEA (người, từ canh cây tế bào) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein. 1 ng/mL CEA tương ứng với 16.9 mIU/mL. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	2
23.	Thuốc thử xét nghiệm CA	M: Vi hạt phủ Streptavidin.	Hộp	38

	72-4	R1: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 test		
24.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	- CA72-4 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - CA72-4 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CA 72-4 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 U/mL và khoảng 70 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	3
25.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	- CYFRA Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - CYFRA Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Cytokeratin (người, từ dòng tế bào MCF-7) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
26.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	- CORT II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 - CORT II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Cortisol (tổng hợp) với hai khoảng nồng độ (khoảng 12.5 nmol/L hoặc 0.45 μ g/dL và khoảng 1000 nmol/L hoặc 36 μ g/dL) trong huyết thanh người. Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
27.	Thuốc thử xét nghiệm xét nghiệm định tính HBsAg	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Hai kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng HBsAg ; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg , kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Quy cách: ≥ 100 test	Hộp	2
28.	Dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch	Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 % Quy cách: $\geq 2 \times 16$ ml	Hộp	2
29.	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Quy cách: $\geq 2 \times 2$ L	Hộp	20
30.	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu.	Đệm phosphate 10 mmol/L; natri chloride 20 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; pH 7.0. Quy cách: $\geq 5 \times 600$ ml	Hộp	24
31.	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét	Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %; chất bảo quản; pH 6.8. Quy cách: $\geq 2 \times 2$ L	Hộp	20

	nghiệm miễn dịch			
32.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Tg (Thyroglobulin)	▪ TG 2 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ TG 2 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Thyroglobulin (người) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 0.15 ng/mL và khoảng 180 ng/mL) trong hỗn hợp huyết thanh ngựa Quy cách: $\geq 4 \times 1$ ml	Hộp	1
33.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm ProGRP, SCC, Cyfra 21-1, NSE	▪ PC LC 1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh ▪ PC LC 2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh Quy cách: $\geq$ Hộp 4x3ml	Hộp	1



PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 518/TB-BVĐHKTYTHD ngày 30/7/2024 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 518/TB-BVĐHKTYTHD ngày 30/7/2024 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.